

LÝ MÔN, CỬA LÀNG VINH THẠNH

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG



H 1: Trần Đình Hào, chụp ngày 9- 10- 2015

Quê tôi đây - nằm bên đường quốc lộ
Rẽ vào đây ruộng đất rộng thênh thang
Con mương chảy cống xây chiều nắng đỏ
Tiếp cửa làng cao vút đứng hiên ngang

I - LÀNG QUÊ DÒNG ĐÀO VINH THẠNH

Một chi lưu của dòng Nam phái Sông Côn chảy đến cầu Gành, rẽ đôi. Nhánh Bắc, chảy xuống cầu Bà Gi, rồi men theo biên giới xã Phước Lộc để vào xã Phước Hiệp. Nhánh Nam, xuyên qua các thôn Phong Tấn, Trung Thành để vào thôn Vĩnh Hy, đều thuộc xã Phước Lộc. Nơi đây, dòng chảy chia đôi, một nhánh hướng về Đông, xuyên qua Quốc lộ 1 bằng đường cống Ông Mít, rồi lại chia làm hai nhánh nữa như hai cánh tay dài [1] vươn ra ôm ấp một vùng đất có nhiều bò tre, nằm gọn bên lề phía Đông của Quốc lộ 1. Đó là làng Vinh Thạnh [2], cách thành phố Qui Nhơn 10,50 km (đường chim bay) hoặc 13,51 km (theo Quốc lộ 1) về hướng Tây Bắc, và cách thị xã An Nhơn 6,10 km về hướng Đông Nam.

Từ thị trấn Tuy Phước, theo đường Quốc lộ 1 chiều Nam - Bắc, đi chừng 2 km, rẽ mặt vào con đường đất rộng, có nhịp cầu xây gạch cuốn bắc ngang qua con mương. Tiếp đến là Cửa Làng Vinh Thạnh sừng sững vượt hẳn trên tàng cây xanh để lộ một con đường rộng thẳng tắp theo chiều Tây - Đông xuyên suốt làng.

Theo *Đào Gia Thế Phả*, Hàm Nghi Nguyên Niên Xuân Trọng Cát Nhật Căn Tu (niên hiệu Hàm Nghi năm thứ nhất (1885), tháng 2 ngày lành, căn trọng tu sửa), dòng Đào Vinh Thạnh thuộc phái Quý, là phái út (*DGTP*, 1885, tờ 3a, dòng 4 & 5, nguyên văn: “高祖公係是季派” Cao tổ công hệ thị quý phái) đến nơi này lập nghiệp. Và trước cụ Cao tổ còn đến 5 hay 6 đời nữa (*DGTP*, 1885, tờ 3a, dòng 4: 傳聞尚有第五第六世祖但; Truyền văn thượng hữu đệ ngũ đệ lục thế tổ đản.)

Cũng theo *DGTP*, 1885, tờ 6a, dòng 3 & 4, làng Vinh Thạnh dưới thời Lê Hiến Tông (黎顯宗; 1740 - 1786), Xứ Đàng Trong gọi địa danh này là Vinh Thạnh Trung An Đội (榮盛中安隊), thôn Phú Thạnh (富盛村), thuộc Thời Tú (時秀屬), huyện Tuy Viễn (綏遠縣), phủ Qui Nhơn (歸仁府).

Đến đời thứ 4, tộc trưởng là Đào Đức Nương (陶德娘) còn có tên là (Ngạc; 萼) làm chức Điều hộ tinh “嗣德十四年 <辰年五十二>以醫術從本省調護; Tự Đức thập tứ niên <Thìn niên ngũ thập nhị> dĩ y thuật tùng bổn tỉnh điều hộ.” (*DGTP*, 1885, tờ 14a, dòng 4 & 5). Sang đời thứ 5, tộc trưởng là Đào Đức Hanh (陶德亨) có em (cùng cha khác mẹ) là Đào Đăng Tấn (陶登進) vì kiêng húy nên bỏ chữ Đăng, mở ra một kỷ nguyên mới.

II - LAI LỊCH CỦA LÀNG VINH THẠNH

Lúc Đào Tấn đang làm Thượng thư Bộ Hình tại Kinh đô Huế, thì mẹ là bà Hà Thị Loan (何氏鸞) năm 1897 lâm bệnh nặng, biết mình không qua khỏi, có trăng trời muốn được an táng tại quê chồng. Nhưng cảnh nhà thanh bạch không đủ sức đưa linh cửu Mẹ về quê nội, đành phải chôn nơi quê ngoại là làng Cổ Bru (nay thuộc xã Hương An, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên). Mãi đến ngày Đào Tấn về hưu (1904) mới bốc hài cốt mẹ đem về quê hương [3]. Khi rước hài cốt thân mẫu về đến Vinh Thạnh, thì dân làng đã dựng sẵn một bái môn bằng cốt tre bó lá đùng đình (cây đùng đình có tên khoa học là *Caryota mitis*, thuộc họ *Arecaceae*), rồi được trang trí lá ngâu và lá thiên tuế. Bái môn được dựng ở đầu đường dẫn vào nhà Đào Tấn nói riêng và xóm nhà Đào tộc nói chung, tức địa điểm Lý Môn ngày nay.

Hai trụ cổng bái môn treo câu liên đối của Đào Tấn viết đại tự:

癡兒慟哭違前命
慈母英靈返故山
*Si nhi đồng khóc vi tiên mệnh;
Tì mẫu anh linh phản cố sơn!*

Việt Thao phụng dịch:

*Trái lời trời, con dại gào khóc;
Về núi cũ, mẹ hiền hiển linh!*

Sau vụ cải táng, dân làng tỏ ý muốn dựng cửa làng kiên cố ngay chỗ đã dựng bái môn trước là để kỷ niệm sự kiện hài cốt cụ Hà Thị Loan trở về làng quê chồng, sau là vinh danh Đào tộc đã làm vẻ vang cho bản làng. Đào Tấn, vốn đức khiêm tốn, đã từ chối lời thỉnh nguyện.

Năm 1907, Đào Tấn qua đời, dân làng cũng đã nhiều lần nhắc lại lời thỉnh nguyện ấy, nhưng mãi đến 11 năm sau, ông Đào Nhữ Tuyên (con thứ của Cụ Đào) mới chấp thuận.

III - VÀI NÉT CỦA LÀNG VINH THẠNH

Vì thế, năm 1918, Cửa Làng Vinh Thạnh được xây dựng kiên cố bằng gạch, đá và xi măng. Về hình dáng, cửa làng có hình chữ U ngược đầu, tính từ mặt đường trải bê tông đến đỉnh đầu cửa, cao 5,47m (nguyên thủy cao 5,67m, vì nay mặt đường được nâng lên 0,20m); và nếu tính lọt lòng, từ mặt đường bê tông đến đỉnh vòm cửa là 3,60m.

01 - Vòm cửa:

Vòm cửa xây bằng gạch cuốn, cao 1,87m và được nâng đỡ bởi hai trụ cửa. Chiều rộng phủ bì giữa hai trụ cửa là 5,08m, nhưng lòng cửa chỉ còn 2,28m, vì cạnh mỗi đế trụ là 1,10m và mỗi diềm trụ là 0,30m (1,10 + 0,30 x 2).

Về trang trí vòm cửa cả hai mặt phần lớn đều giống nhau, tuy vậy cũng có vài khác biệt nhỏ.

a/ Mặt trước, từ Quốc lộ 1 nhìn vào, vòm cửa có 3 hàng chữ:

- Trên hết, ghi hàng số “1918” (là năm xây cửa làng) dưới có hai lá thiên thuế, cuống lá chéo vào nhau và xòe cánh ra nâng đỡ.

- Hàng giữa, bằng chữ Pháp “Porte du Village de Vinh Thạnh.”

- Hàng dưới là tám biển lớn hình chữ nhật viền cạnh nổi, trong có bốn chữ Nho viết ngang và đọc từ phải sang trái “門里盛榮” (Vinh Thạnh Lý Môn), hai bên (trái, phải) của 4 đại tự và song song với hai cạnh ngắn của tám biển gạch còn có hai hàng dọc chữ Nho:



H 2, trái: Ảnh chụp Quốc lộ 1 ngó vào khu vườn nhà Đào tộc.

H 3, phải: Ảnh chụp từ trong làng ngó ra Quốc lộ 1.

Bên trái, hướng chính Bắc (phía Đền thờ Đào Tấn) có 5 chữ, nhưng nét chữ bị bào mòn không đọc được, chỉ có 1 chữ đầu ngò là “壬; Nhâm (?) ? ? ?”.

Bên mặt, hướng chính Nam (phía Đình Vinh Thạnh) có 5 chữ viết dọc “啟定戊午秋” (Khải Định Mậu Ngọ thu).

b/ Mặt sau, từ trong xóm Lý Môn nhìn ra, vòm cửa cũng có 3 hàng chữ và trang trí như mặt trước. Nhưng hàng giữa, thay vì chữ Pháp (ở mặt ngoài), là chữ Việt “Cửa Làng Vinh Thạnh” (ở mặt trong). Và hai bên của 4 chữ Nho viết lớn “門里盛榮” cũng có hai hàng dọc chữ Nho, nhưng bên phải là hướng chính Bắc (phía Đền thờ Đào Tấn) có 5 chữ “啟定戊午秋” (Khải Định Mậu Ngọ thu); bên trái lại là hướng chính Nam (phía Đình Vinh Thạnh) chỉ có 4 chữ “本村再造” (Bản thôn tái tạo), chứng tỏ cửa này trước đã có, nay dân làng dựng lại.

Ngoài ra, cả hai mặt, dưới tám biển đều có trang trí hoa văn chèn hai bên vòm cửa.



H 4 & 5: Vòm cửa làng Vinh Thạnh, mặt trước và mặt sau.

01 - Hai trụ cửa:

Về hình dáng, hai trụ cửa là khối vuông thẳng đứng, kích thước trên nhỏ dưới lớn, và từ trên xuống có năm phần: Đầu trụ, cổ trụ, thân trụ, đế trụ, móng trụ.

a/ Đầu trụ:

Đầu trụ là một cái mâm hình vuông, mỗi cạnh 1m, dày 0,20m. Trên mâm hai trụ cổng đều có 5 trái cầu bằng xi măng, theo thiết kế: bốn trái cầu nhỏ nằm dưới (mỗi quả, đường kính khoảng 0,30m) tạo thành hình vuông và nâng đỡ một quả cầu lớn nằm trên (đường kính khoảng 0,40m). Biểu tượng này, dân làng kín đáo nói lên họ Đào làng Vinh Thạnh ở thế hệ thứ 5 và 6 có Đào Tấn (陶進) và 5 người con, cùng với 4 người cháu (con cụ Đào Đức Hanh; 陶德亨) gọi cụ Đào Tấn bằng chú ruột, đoạt khoa bảng Nho học nhiều nhất tỉnh, nên được tượng trưng bằng 10 quả cầu mang ý nghĩa như sau:

- Năm quả cầu ở trụ cổng hướng chính Nam (phía đình làng) dành cho những người đỗ Cử nhân: trên là Đào Tấn, dưới là Đào Trọng Tập (hay Tráp) là cháu ruột (con Đào Đức Hanh); cùng với Đào Bá Quát, Đào Thụy Thạch, Đào Nhữ Tuyên (các con Đào Tấn).

- Năm quả cầu ở trụ bên hướng chính Bắc (nay là phía Đền thờ Đào Tấn) dành cho những người đỗ Tú tài: trên là Đào Đức Hùng (陶德雄) thường gọi là Tú Ba (tộc trưởng dòng Đào Vinh Thạnh), dưới là Đào Tử Chấn (陶子振), thường gọi là Tú Năm, Đào Khả Vọng (陶可望) tức là Tú Mười (các con Đào Đức Hanh), cùng với Đào Nhữ Thuận (陶汝淳), Đào Nhữ Tiểu (陶汝俏) các con của Đào Tấn.

Tiện đây, cũng nên bàn thêm về học vị Cử nhân và Tú tài Nho học, khác với thời tân học. Tân học, đỗ Tú tài rồi phải vượt qua 4 năm đại học mới lấy bằng

Cử nhân. Còn nền giáo dục Nho học, Cử nhân với Tú tài trình độ học vấn với chương trình giáo khoa như nhau, và cùng trải qua kỳ thi Hương.

Về thể lệ, các sĩ tử muốn dự thi Hương (kỳ thi lấy đỗ Cử nhân và Tú tài) phải vượt qua 3 kỳ thi ở địa phương, các môn thi, đề thi như thi Hương, và phải đỗ cả 3 kỳ:

- Thi Sơ khảo: nếu là cấp huyện do Huấn đạo [4] tổ chức, nếu ở cấp phủ do Giáo thụ [5] tổ chức. Ai đỗ, được cấp bằng Tuyển sinh thì mới được dự kỳ thi cấp tỉnh.

- Thi Phúc khảo: ở cấp tỉnh do Đốc học tổ chức. Ai đỗ, được cấp bằng Khóa sinh thì mới được nộp đơn thi Hương.

- Thi Tuyển thí sinh: để nâng cao giá trị và trình độ của thi Hương, từ năm Mậu Thân (1848) Tự Đức nguyên niên, đặt lệ thêm một kỳ thi nữa dành cho người có bằng Tuyển sinh. Kỳ thi này cũng do Đốc học sở tại tổ chức, nhưng quan trọng hơn vì tất cả học quan và thầy đồ trong tỉnh phải tham gia chấm bài thi. Đặc biệt lần thi này không rọc phách, để các thầy đồ biết mặt mà loại bỏ những Nho sinh thường ngày học kém nhưng nhờ gặp may vượt qua hai kỳ thi trên.

Vậy thí sinh phải đạt được 3 kỳ thi nói trên, mới được ghi danh dự thi Hương. Vì thế, người dự thi Hương phải thực sự có năng lực. Quan tỉnh đệ nạp danh sách thí sinh về triều để bộ Lễ phân định số lấy đỗ Cử nhân và phân phối nhân sự điều hành trường thi hợp với nhu cầu thực tế. Theo lệ, cứ mỗi 3 năm mở thi Hương, Trường thi Bình Định dành cho thí sinh 6 tỉnh, gồm: Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Phan Rang (Ninh Thuận), Phan Thiết (Bình Thuận). Số Nho sinh sáu tỉnh đủ tiêu chuẩn dự thí ở Trường thi Bình Định cả hàng ngàn người, hạn ngạch lấy đỗ Cử nhân của trường này tùy thuộc vào số người dự thi, khi tăng khi giảm, trung bình lấy đỗ 15 Cử nhân và 30 Tú tài. Từ năm Kỷ Dậu (1009) cứ lấy đỗ 1 Cử nhân thì 3 Tú tài.

Vậy Cử nhân và Tú Tài trình độ học vấn như nhau, nhưng căn cứ theo số điểm thi, lấy từ trên xuống cho đủ số hạn ngạch. Hay nói một cách khác, ai đỗ cả 4 kỳ là đạt học vị Cử nhân, ai đỗ 3 kỳ (rớt kỳ 4) được xét để lấy đỗ Tú tài; tức người đỗ Tú tài trường gọi là Cử nhân, và chỉ một số người đỗ Tam trường được gọi là Tú tài.

b/ Cổ trụ:

Về kích thước, cổ trụ cạnh 0,7m x 0,7m x cao 1,57m. Cả hai mặt trong và mặt ngoài cổ trụ đều trang trí hình thoi đứng, trong có hình vành khăn và tâm điểm là một hoa mai vàng óng nở xòe ra.

c/ Thân trụ:

Thân trụ: 0,9m x 0,9m x cao 2,14m. Nếu từ Quốc lộ 1 nhìn vào Lý Môn, thân trụ bên tay trái, hướng chính Bắc (phía Đền thờ Đào Tấn), tô vẽ cội mai;

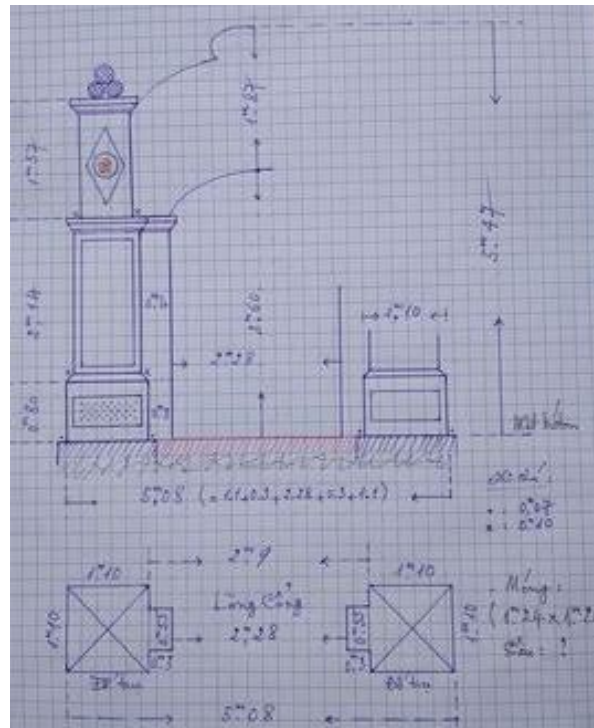
thân trụ bên tay phải, hướng chính Nam (phía Đình Vinh Thạnh), tô vẽ khóm trúc.

Ngược lại, nếu đứng từ xóm nhà trong cổng Lý môn nhìn ra, thân trụ hướng Bắc (phía đền thờ Đào Tấn) tô vẽ khóm trúc, thân trụ hướng Nam (phía đình Vinh Thạnh) tô vẽ cội mai.

Với ý nghĩa, cây mai biểu trưng cho ý chí kiên cường, tinh thần bất khuất và phẩm cách cao thượng của những người chính nhân quân tử. Cây mai có thân thẳng, với bộ rễ cắm sâu vào lòng đất, chống chịu với mọi điều kiện khắc nghiệt của thời tiết hạn hán, bão lụt. Thêm vào đó, hoa mai còn tượng trưng cho sự hy sinh, trút bỏ những chiếc lá già cỗi vào cuối đông, nhường chỗ cho các chồi non và nụ hoa nhú lên. Lại nữa, hoa mai thường nở đúng dịp Tết âm lịch, biểu trưng cho văn hóa VN. Bởi vậy, các gia đình ở Miền Trung và Nam Việt Nam, trong dịp Tết Nguyên Đán, thường trưng cành mai lên bàn thờ tổ tiên và chậu mai trong phòng khách.

Còn khóm trúc là loại cây thân thẳng, ruột rỗng, suốt bốn mùa luôn xanh tươi, không đổi màu, tượng trưng cho sự tráng kiện, bền vững, thẳng thắn, liêm khiết, không bị chi phối bởi ngoại cảnh và hoàn cảnh. Vì thế, trúc biểu hiện cho người quân tử có phẩm chất cao khiết, sự rắn rỏi, kiên cường, bất khuất. Cho nên, trong thời VNCH lấy khóm trúc làm biểu tượng trong các khuôn dấu của cơ quan công quyền.

Tóm lại, văn hóa Việt Nam, hai trụ cổng ngõ thường được tô vẽ cội mai và khóm trúc.



*H 6: Sơ đồ Lý Môn, cổng làng Vinh Thạnh.
(Bản vẽ của Trần Đình Hòa)*

d/ Đế trụ:

Phần tiếp giáp với mặt đường là đế trụ mỗi cạnh là 1,10m và cao 0,80m. Cả mặt trước và mặt sau đều trang trí hoa văn, có viền khung hình chữ nhật nằm.

đ/ Móng trụ:

Móng trụ xây bằng đá núi được chôn sâu trong lòng đất chỉ trồi lên mặt đất 0,20m và trề rộng ra bốn mặt của đế trụ cùng chiều trụ là 0,10m. Nhưng hiện nay móng trụ bị lấp toàn bộ vì mặt đường được nâng lên bởi lớp đá trải và bê tông.

IV - LÝ MÔN, DẪI DẦU VỚI THỜI GIAN

Cửa làng Vinh Thạnh đến nay được 105 năm, trải qua bao biến cố do chiến tranh tàn phá. Trong thời Việt Minh (1945-1954), mấy lần máy bay Pháp thả bom và bắn phá, tiếng nổ long trời lở đất mà cổng làng chỉ trầy xước nhẹ.

Lại nữa, Tướng Pháp là Navarre lập kế hoạch bình định miền duyên hải Nam Trung Việt. Ngày 12 tháng 3 năm 1954 (Giáp Ngọ), ông cho mở cuộc hành quân Atlante đợt hai vào cửa biển Qui Nhơn, với lực lượng gồm 18 tàu thủy, 2 tàu đổ bộ, 4 trung đoàn thủy quân lục chiến và 1 tiểu đoàn công binh, có phi cơ, xe tăng và trọng pháo yểm trợ. Quân Pháp thiết lập căn cứ quan trọng tại Qui Nhơn và bán đảo Phương Mai. Tàu chiến vào đầm Thị Nại, đổ quân đóng chốt ở các thôn Hội Lộc, Huỳnh Giản (phía bờ Đông); Vân Hà, Quảng Vân, Bình Thái, núi Trường Úc (phía bờ Tây); lập vành đai hỏa lực quanh Qui Nhơn, nhằm tiến chiếm tỉnh Bình Định bằng ba mặt: Thị Nại đánh lên sẽ gặp cánh quân từ đèo An Khê đánh xuống, và từ Sông Cầu (Phú Yên) đánh ra.

Để ngăn phần nào cuộc hành quân của Pháp, du kích làng Vinh Thạnh đào hầm chông lớn choán cả mặt đường ngay giữa hai trụ cổng Lý Môn. Lớp đất cứng của nền móng bị đào bới đem đổ nơi khác, rồi những trận mưa đông mùa hạ như trút nước, biến hầm chông thành hầm nước đọng.

Sau ngày 20 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Genève về Đông Dương được ký kết, hầm chông Lý Môn được lấp lại, nhưng mà dùng đất bùn của ruộng lúa, chứ không phải đất sỏi ở đồi núi. Rồi mùa đông đến, những cơn bão ập vào, lũ lụt ngập đường tạo thành dòng nước chảy xiết. Vì thế, nền móng của Lý Môn có phần yếu đi, tạo thành vết nứt ở vòm cửa, tưởng rằng sẽ đổ sụp trong năm ấy! Rồi, qua bao năm ròng rã, Lý Môn chưa được gia cố nền móng, nhưng như có phép lạ, Cửa Làng Vinh Thạnh vẫn đứng vững với thời gian.



H 7, 8: Quang cảnh Lý Môn trong mùa bão lụt, và khi nước rút để lại vết mặt đường bị xói lở.

Năm 1993, vết nứt ở vòm cổng và những vết trầy xước được trám vá lại, đồng thời tráng xi măng mặt cổng bắc qua con mương trước làng.

Năm 2000, họ Đào đứng ra tu bổ Lý môn, phục hồi những hoa văn bị sút mẻ hoặc bị bào mòn bởi thời gian.



H 9 & 10: Lý Môn chụp năm 1993 (trái) và năm 2000 (phải).

Khoảng giữa thập niên 2000, có chương trình đổ bê tông hóa đường làng, chính quyền cung cấp vật liệu gồm xi măng, đất sỏi, đá trái, sạn, cát. Dân làng đóng góp nhân công và các chi phí khác. Con đường Lý Môn được đổ đất sỏi và rải một lớp đá, dùng xe lăn đường san bằng và nén chặt nền móng, rồi trải dày bê tông. Vì thế, mặt đường được nâng cao 20cm, lấp kín phần móng trụ, gia cố nền đất Lý Môn thêm vững chắc.

V - THAY LỜI KẾT

Vinh Thạnh Lý Môn tức là Cửa Làng Vinh Thạnh, đã là cửa thường phải có cánh cửa để đóng mở khi cần. Nhưng Lý Môn, thay vì cánh cửa lại có chòi mòng, một hình thức của trạm gác, càng tăng thêm vẻ uy nghiêm và bề thế cho cửa làng. Vị trí chòi mòng nằm bên lề phải, ngay chỗ rẽ vào làng, và cách Lý Môn chừng 15 mét. Chòi mòng làm theo kiểu nhà sàn hình vuông, mỗi cạnh 2 m, được nâng đỡ bằng 4 cột lớn, đặt trên nền cao chừng 0,30m. Tầng dưới cao 2 m để trống; tầng trên có ván dày lót sàn, vách gỗ che kín 4 mặt, nhưng đều có cửa sổ tiện việc quan sát. Đây là nơi canh gác rất tốt, vừa là nơi nghỉ đêm ấm áp cho dân phòng. Sau năm 1945, chòi mòng bị tháo dỡ, nhường chỗ cho quán giải khát và tiệm hớt tóc của ông Bốn Bura.

Lại nữa, tiếng là gọi là Cửa Làng Vinh Thạnh, nhưng Lý Môn không dẫn đến đình Vinh Thạnh, mà Lý Môn lại dẫn vào xóm nhà họ Đào. Trên con đường ấy, đầu tiên là Từ đường chính, tức Từ đường Bạc nhất của Đào tộc (cách Lý Môn khoảng 30m, về bên mặt), do cụ Đào Đức Nương lập, đích tôn Đào Đức Hùng chủ tự, rồi viễn tôn (cháu 5 đời) là Đào Đức Phú kế phụng. Tiếp đến là từ đường Bạc nhì do cụ Đào Đức Hanh lập (cách Lý Môn khoảng 100m, về bên trái) giao cho thứ nam Đào Trọng Tập (còn gọi là Trấp) chủ tự, rồi huyền tôn (cháu 4 đời) Đào Đức Chương kế phụng. Cuối đường Lý Môn còn có Từ đường Bạc nhì nữa do cụ Đào Tấn lập (cách cổng làng khoảng 250m, về bên phải), thứ nam Đào Nhữ Tuyên phụng tự, rồi huyền tôn Đào Tụng Phi kế phụng. Ngoài ra, cũng trên con đường ấy hầu hết là nhà của con cháu nội ngoại Đào tộc, lập thành xóm Vinh Tây Hạ (榮西下), nhưng thường gọi là “Xóm Lý Môn.”

Cũng nên nói thêm, từ xưa cho tới sau năm 1975, con đường Lý Môn được nối dài thành đường liên hương, tuy là đường đất nhưng mặt đường cao và rộng, dẫn đến thôn Thọ Nghĩa (xã Phước Hiệp), xuyên qua thôn Tình Giang (xã Phước Hiệp), vượt đèo Kỳ Sơn, sang thôn Mỹ Cang (xã Phước Sơn), rồi thôn Kim Trì (xã Phước Hòa) dẫn đến thị tứ Gò Bồi thuộc thôn Tùng Giản cũng xã Phước Hòa; và con đường ấy còn tiếp tục ngang qua xã Phước Thắng, và thông ra huyện Phù Cát... Thời VNCH, khoảng đầu thập niên 1970, có dự án định nâng cấp con đường liên hương Lý Môn nối dài: bồi thường đất đai để sửa cho thẳng

các khúc quanh, mở rộng lòng đường, nâng cao mặt đường tránh ngập lụt, và trải đá tráng nhựa. Nhưng sau biến cố 30 Tháng Tư 1975, dự án này bị bãi bỏ, và con đường liên hương tách rời với Lý Môn để dời lên Vinh Tây Thượng. Như vậy, đường Lý Môn hiện nay chỉ dài khoảng 300m, bắt đầu từ ngã rẽ đến hết vườn nhà từ đường Đào Tấn.

Trở lại Lý Môn, có thể nói đây là Cửa Đào Gia, mà dân làng Vinh Thạnh dựng lên, trước là để nhớ ơn cụ tổ Đào Vinh Thạnh khai phá lập làng từ thời Chúa Nguyễn, lúc ấy địa danh này chỉ được gọi là “Đội Vinh Thạnh Trung An” chứ chưa được nâng cấp thành đơn vị hành chính là khách hộ ấp Vinh Thạnh Trung An, hay lên chính thức là ấp Vinh Thạnh. Theo *Đào Gia Thế Phả*, Đào Tấn lập năm 1885, đã chép, nơi thờ 5b, các dòng 4, 5 và 6. Tạm dịch: “Chỉ đến đời ông nội ta, trong tập ‘Trung Hưng Sơ Tịch’ có cụ ông và cụ bà (họ Phạm) là Tăng tổ đã quy tập và dạy dỗ dân làng và có lập bộ đình điền. Nên người đồng thời rất tôn kính và có lập miếu thờ, xưng tặng là Tiên hiền. Ấy là theo hương tục, chứ không phải (nhà mình) dám tự mạo cử lấy.” (Nguyên văn: 中興初籍右顯曾祖妣范氏教誨歸集本鄉建成丁田簿籍同人追仰特建專祠祀之稱前賢公故從鄉俗加稱非敢冒也; phiên âm: Trung Hưng Sơ Tịch hữu Hiền tăng tổ tỉ Phạm thị giáo hời, quy tập bản hương kiến thành đình điền bộ tịch, đồng nhơn truy nguỡng đặc kiến chuyên từ tự chi xưng tiên hiền. Công cố tưng hương tục gia xưng phi cảm mạo dã.)

Sau là để vinh danh một dòng họ đã sinh sản ra Đào Tấn, một danh nhân văn hóa, và cũng là một dòng họ khoa bảng đã đoạt học vị Nho học nhiều nhất tỉnh.

父子伯
係科

丁文忠	陳文理	陶登進	阮奉	黎普	黃文倬	黃文德
符吉未成	符吉未成	符吉未成	符美安檢	符福揚朋	符吉安德	符福揚善

後福榮盛 伯遠有遠道之 仲謙之伯
 官現又靜 總督在至瑞 佐大學士 榮光之
 幕分忠理 官訓導

H 11: Cao Xuân Dục, *Quốc Triều Hương Khoa Lục*,
trang có Tân khoa Cử nhân Đào Tấn (1867)

Nguyên văn: trích dòng 5 và 5a, 5b

父子伯侄登科.

陶登進改陶進

綏福榮盛. 伯适瑞石汝宣之父, 仲緝之伯.

官現又静總督, 仕至協佐大學士, 榮光子.

Phiên âm:

Phụ tử bá điệt đăng khoa.

Đào Đăng Tấn cải Đào Tấn:

Tuy Phước, Vinh Thạnh. Bá Quát, Thụy Thạch, Nhữ Tuyên chi phụ. Trọng Tập chi bá “伯” (theo thứ tự gia tộc, phải chép là thúc “叔” mới đúng).

Quan Nghệ Tĩnh Tổng đốc, sĩ chí Hiệp tá Đại học sĩ, Vinh Quang Tử.

Dịch nghĩa:

Cha con, chú cháu cùng thi đỗ:

Đào Đăng Tấn đổi tên là Đào Tấn

Người thôn Vinh Thạnh, huyện Tuy Phước.

Cha của Bá Quát, Thụy Thạch, Nhữ Tuyên, chú của Trọng Tập.

Hiện là Tổng đốc Nghệ Tĩnh, làm quan đến chức Hiệp tá Đại Học sĩ, tước Vinh Quang Tử.

Bởi vậy, dòng Đào Vinh Thạnh có thể dùng hình ảnh Lý Môn làm biểu tượng cho dòng họ mình. Trong bài *Giỗ Cha Nhớ Tổ*, sáng tác tại Vinh thành, ngày 22- 5- 1959, nhân ngày giỗ Hiền Khảo lần thứ 14, Rằm Tháng Tư Năm Kỷ Hợi, Việt Thao cũng đã viết:

*Nhìn sao Bắc Đẩu nhớ quê Cha,
Mẹ nói Ông mình gốc Thanh Hoa [6]
Từ lúc thân đơn đi lập chí,
Ngậm ngùi vĩnh biệt cố hương xa.*

*Lỡ vận, chẵn trâu phải chuyện vè,
Nhận tình con rể đội ơn mưa.
“Ngọa Long” sử sách còn ghi đấy,
Công người xây lũy thuở năm xưa.*

*Đất lành quê Mẹ nhận quê hương,
Trái ngọt đời sau vẫn ngũ thường.
Phái “Quý” nhà ta về Vinh Thạnh [7]*

Nở đóa “Mai” [8] đầu đượm sắc hương.

*Đêm nay đèn thấp vọng trang mòn,
Vén nhẹ ảnh thờ phủ vải son.
Nhìn Cha nhớ Tổ xa đời lắm,
Mà dòng huyết thống vẫn trong con.*

VIỆT THAO ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG
(Trích Đào Gia Thế Phả Tục Biên, San Jose, 2015
Bổ chính ngày 10- 6- 2023
Huyền tôn Đức Chương quán thủ bái tu)

GHI CHÚ

[1] Dân làng quen gọi là Mương Trước để chỉ cho dòng chảy từ cống Ông Mít theo chiều Bắc Nam, men theo Miếu Tây làm ranh giới cho hai xóm Vinh Tây (thôn Vinh Thạnh) và Vinh Thế (thôn Vĩnh Hy), rồi chảy qua trước Lý Môn, dọc theo đình Vinh Thạnh, đổ nước vào Cống Đình xuyên qua Quốc lộ 1, và lan tỏa khắp Cánh đồng trước làng.

Nhánh thứ hai, có tên gọi là Mương Sau, cũng theo chiều Bắc Nam chảy xuyên qua xóm Vinh Tây, đến Cống Dinh, ngoẹo trái 90 độ làm ranh giới vườn nhà Đào Tấn và đám Ruộng Rào (chùa Vinh Nam), rồi chảy thẳng tắp theo chiều Tây Đông đến gò Ông Diếc, cung cấp nước đầy đủ cho Cánh đồng sau hằng năm cày cấy 3 vụ. Mương Sau còn tách ra một nhánh nhỏ theo chiều Bắc Nam chảy qua trước chùa, dọc theo Thọ Viên (Nghĩa trang Đào Gia), rồi ngoẹo phải 90 độ, cung cấp nước cho khắp đồng ruộng phía Đông Nam của làng.

Các mương ấy ngày nay (từ năm 2015) không còn nữa, đều bị lấp đầy để làm đường đi trong thôn xóm, tiện lợi cho việc lưu thông, nhưng lại bết tắc về việc cung cấp nước tưới vườn trồng rau quả trong hai xóm Vinh Tây và Vinh Nam.

[2] Làng Vinh Thạnh, thời Gia Long (1815) có tên là Vinh Thạnh Trung An khách hộ ấp (榮盛中安客戶邑), thuộc Thời Tú (時秀屬), huyện Tuy Viễn (綏遠縣), phủ Qui Nhơn (歸仁府), trấn Bình Định (平定鎮). Thời Minh Mạng (1832) là thôn Vinh Thạnh (榮盛村), tổng Thời Tú (時秀總), huyện Tuy Phước (綏福縣), phủ An Nhơn (安仁府), tỉnh Bình Định (平定省). Thời Đồng Khánh (1886-1888) là thôn Vinh Thạnh, tổng Nhơn Ân (仁恩總), huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định. Thời Thành Thái (1906) thôn Vinh Thạnh vẫn nằm trong tổng Nhơn Ân nhưng huyện Tuy Phước được nâng lên cấp phủ. Thời Việt Minh, năm 1946, thôn Vinh Thạnh thuộc xã Mỹ Phú (gồm 3 thôn: Quang Hy, Vinh Thạnh, Vĩnh Thế), phủ Tuy Phước; năm 1948, thôn Vinh Thạnh thuộc xã Phước Lộc (gồm 11 thôn), huyện Tuy Phước. Từ năm 1948 đến nay (2023) thôn Vinh Thạnh vẫn thuộc xã Phước Lộc, nhưng khoảng giữa thập niên 2000, thôn Vinh Thạnh chia hai: thôn Vinh Thạnh 1 (lãnh xóm Vinh Đông và Vinh Nam), thôn Vinh Thạnh 2 (gồm xóm Vinh Tây và Vinh Bắc). Đình Vinh Thạnh ở xóm Vinh Nam, nên thuộc Vinh Thạnh 1. Cửa làng Vinh Thạnh (1918) và Đền thờ Đào Tấn (2015) ở xóm Vinh Tây nên thuộc thôn Vinh Thạnh 2.

[3] Thời ấy, di chuyển linh cữu từ Huế về Bình Định rất khó khăn và rất tốn kém, với một vị quan thanh liêm sống dựa vào tiền lương, thì không đủ tiền chi phí; nhưng di chuyển một bộ hài cốt chứa trong cái quách thì dễ dàng hơn nhiều.

[4] Huấn đạo (訓道): viên học quan cũng xuất thân từ khoa bảng, trông coi việc học hành ở cấp huyện, được hàm từ Chánh Bát phẩm lên đến Chánh Thất phẩm.

[5] Giáo thụ (教授): chức quan lo việc học chánh ở cấp phủ, là người phải xuất thân từ khoa bảng (đỗ Cử nhân). Được bổ dụng với hàm từ Tông Lục phẩm lên đến Tông Ngũ phẩm.

[6] Nguyên quán họ Đào ở làng Hoa Trai (華齋村), xã Vân Trai (雲齋社), tổng Liên Trì (蓮池總), huyện Ngọc Sơn (玉山縣), phủ Tĩnh Gia (靜嘉府), trấn Thanh Hoa (清花鎮).

[7]: Quý phái (季派) là phái út (*Đào Gia Thế Phả*, 1885, tờ 3a: “高祖公係是季派” Cao tổ công hệ thị quý phái); và làng Vinh Thạnh dưới thời Lê Hiển Tông (黎顯宗; 1740 - 1786), Xứ Đàng Trong vẫn còn gọi địa danh này là đội Vinh Thạnh Trung An (榮盛中安隊), thôn Phú Thạnh (富盛村), thuộc Thời Tú (時秀屬), huyện Tuy Viễn (綏遠縣), phủ Qui Nhơn (歸仁府).

[8] Cụ Đào Tấn (1845 - 1907), tự là Chỉ Thúc (止叔), hiệu là Mộng Mai (夢梅) và Tô Giang (蘇江), biệt hiệu là Tiểu Linh Phong (小靈峯) và Mai Tăng (梅僧).